TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 218/2024/QĐST-HNGĐ	*Quận 5, ngày 24 tháng 07 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều Điều 107, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 16 tháng 07 năm 2024.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" thụ lý số 121/2024/HNST ngày 22 tháng 05 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Dương Văn D, sinh năm 1981

Địa chỉ thường trú: Số A L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: Số H T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Đoan T, sinh năm 1986

Địa chỉ thường trú: Số H T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Văn D và bà Nguyễn Đoan T qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn vào năm 2010 (Giấy chứng nhận kết hôn số 118 quyển số 01/2010, đăng ký ngày 30/05/2010 tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Trong quá trình chung sống, hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung. Cả hai đã cố gắng cùng nhau khắc phục sửa chữa nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 05/2024 đến nay. Hiện nay cả hai xác định không còn tình cảm và không có khả năng đoàn tụ nên đã cùng thống

nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phát sinh việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa ông Dương Văn D và bà Nguyễn Đoan T không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số 89/2010QH quyển số 01, ngày 23/06/2010 tại Ủy ban nhân dân Phường A1, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (họ và tên là Dương Quốc T1, sinh ngày 13/09/2006); Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số 56, ngày 07/02/2022 tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (họ và tên là Dương Quốc T2, sinh ngày 01/07/2018); Căn cứ vào xác nhận của bà Nguyễn Đoan T và ông Dương Văn D thì ông bà có 02 (hai) người con chung có tên họ tên như trên.

Ông D và bà T thỏa thuận giao 02 (hai) người con chung tên Dương Quốc T1, sinh ngày 13/09/2006 và Dương Quốc T2, sinh ngày 01/07/2018 cho bà Nguyễn Đoan T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông D tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung, cụ thể như sau:

+ Ông Dương Văn D cấp dưỡng nuôi trẻ Dương Quốc T1, sinh ngày 13/09/2006 mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), cấp dưỡng vào ngày 05 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 08/2024 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

+ Ông Dương Văn D cấp dưỡng nuôi trẻ và Dương Quốc T2, sinh ngày 01/07/2018 mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), cấp dưỡng vào ngày 05 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 08/2024 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hai bên tự nguyện thi hành hoặc thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Trong trường hợp ông Dương Văn D chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông D phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét, thỏa thuận này của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Dương Văn D và bà Nguyễn Đoan T cùng thống nhất không tạo lập tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xét.

[4] Về nợ chung, nghĩa vụ dân sự chung: Ông Dương Văn D và bà Nguyễn Đoan T cùng cam đoan không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xét.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Ông Dương Văn D và bà Nguyễn Đoan T tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Văn D và bà Nguyễn Đoan T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 118 quyển số 01/2010, đăng ký ngày 30/05/2010 tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Ông Dương Văn D và Bà Nguyễn Đoan T có 02 (hai) người con chung tên Dương Quốc T1, sinh ngày 13/09/2006 và Dương Quốc T2, sinh ngày 01/07/2018.

Ông D và bà T thỏa thuận giao 02 (hai) người con chung tên Dương Quốc T1, sinh ngày 13/09/2006 và Dương Quốc T2, sinh ngày 01/07/2018 cho bà Nguyễn Đoan T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông D tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung, cụ thể như sau:

+ Ông Dương Văn D cấp dưỡng nuôi trẻ Dương Quốc T1, sinh ngày 13/09/2006 mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), cấp dưỡng vào ngày 05 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 08/2024 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

+ Ông Dương Văn D cấp dưỡng nuôi trẻ và Dương Quốc T2, sinh ngày 01/07/2018 mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), cấp dưỡng vào ngày 05 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 08/2024 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hai bên tự nguyện thi hành hoặc thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Trong trường hợp ông Dương Văn D chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông D phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà G có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông D. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Ông Dương Văn D và bà Nguyễn Đoan T cùng thống nhất không tạo lập tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xét.

1.4. Về nợ chung, nghĩa vụ dân sự chung: Ông Dương Văn D và bà Nguyễn Đoan T cùng cam đoan không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xét.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Dương Văn D và bà Nguyễn Đoan T chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm đối với việc hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số BLTU/23P/0036147 ngày 22/05/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy ông Dương Văn D và bà Nguyễn Đoan T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Mai Thị Thái Hoà